TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018 /HNGĐ-ST
Ngày: 19-10- 2018
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Huệ.

2. Bà Ngô Thị Thanh Xuyên.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đặng Thị Thu Vân - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà:* Ông Hoàng Văn Thái - kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 10 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 109/2018/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:19/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Võ Quang N, sinh năm 1987 *(có mặt)*

Cư trú: Đại đội 25, Trung đoàn 209, phường P, thành phố S, Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1986 *(có mặt)*

Cư trú: TDP V, phường P, Thành phố S, Thái Nguyên.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Đức V – Luật sư; Văn phòng luật sư Đức Vinh - Thuộc đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh Võ Quang N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Trần Thị H năm 2011, trước khi kết hôn có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phố Cò, thị xã *(nay là thành phố)* Sông Công, hôn nhân là tự nguyện, Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không còn hợp nhau thường xuyên bất đồng quan điểm sống, luôn cãi nhau.vợ chồng đã ly thân được một thời gian, hiện đôi bên không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Trần Thị H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Võ Quang N, sinh ngày 17/9/2012 và Võ Quang T, sinh ngày 20/3/2015. Hiện con chung đang ở với chị H, khi ly hôn đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị kết hôn năm 2011, trước khi kết hôn có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phố Cò, thị xã *(nay là thành phố)* Sông Công, hôn nhân là tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không còn hợp nhau thường xuyên bất đồng quan điểm sống, luôn cãi nhau, anh N là người sống không có trách nhiệm với gia đình, nợ nần nhiều, chị thường xuyên phải trả nợ các khoản vay của anh N. Cuối năm 2017 đơn vị có gọi chị và anh N cùng gia đình đôi bên đến để thông báo số nợ đến thời điểm hiện tại là hơn 400.000.000 đồng. Nay chị phải đi làm kiếm tiền nuôi con chị không muốn trả nợ thay cho anh N nữa. Vợ chồng đã ly thân được 08 tháng, hiện đôi bên không còn quan tâm chăm sóc nhau, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh N.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Võ Quang N, sinh ngày 17/9/2012 và Võ Quang T, sinh ngày 20/3/2015. Hiện con chung đang ở với chị, chị nuôi con tốt các con của chị phát triển bình thường, chị có đất và nhà ở ổn

định đủ điều kiện để nuôi dạy con chung, khi ly hôn đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền là lợi ích của nguyên đơn ông Nguyễn Đức Vinh đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn là anh Võ Quang N. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N : Về quan hệ hôn nhân ghi nhận sự thuận tình của đôi bên; về con chung đề nghị giải quyết cho anh N, chị H mỗi người nuôi một con chung; Về tài sản và công nợ chung đôi bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, đại diện VKS nhân dân thành phố Sông Công phát biểu quan điểm:

* Về Tố Tụng: Đây là vụ án "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" căn cứ Điều 28, 35, 39 BLTTDS Tòa án nhân dân thành phố Sông Công thụ lý là đúng thẩm quyền. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đã được thực hiện theo đúng trình tự tố tụng. Không có vi phạm, không có đề xuất kiến nghị gì.

* Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án:

Căn cứ điều 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình

- Về Quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Võ Quang N với chị Trần Thị H.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung của chị Trần Thị H, giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung Võ Quang Nhật, sinh ngày 17/9/2012 và Võ Quang Tiến, sinh ngày 20/3/2015. Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh N.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh N chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Nguyên đơn anh Võ Quang N khởi kiện xin ly hôn và đề nghị giải quyết về con chung với bị đơn là chị Trần Thị H. Bị đơn cư trú tại phường Phố Cò, thuộc thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Quang N và chị Trần Thị H kết hôn năm 2011. Trước khi kết hôn có tìm hiểu, hôn nhân là do tự nguyện, vợ chồng có làm đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND phường Phố Cò, thị xã *(nay là thành phố)* Sông Công, Thái Nguyên, nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh N cũng thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chủ yếu về kinh tế và nợ nần, hiện vợ chồng đã ly thân được một thời gian dài, đôi bên không còn quan tâm chăm sóc nhau. Anh N có đơn xin ly hôn chị H, quá trình giải quyết Toà án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ, nhưng cả anh N, chị H đều nhất trí thuận tình ly hôn, do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh N và chị H.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Võ Quang Nh, sinh ngày 17/9/2012 và Võ Quang T, sinh ngày 20/3/2015. Hiện con chung đang ở với chị H. Khi ly hôn cả anh N và chị H đều đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung. Đôi bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của chị H về việc giao con chung Hội đồng xét xử thấy: chị H là công nhân của công ty may SHINWON, có công việc và thu nhập ổn định, mức lương bình quân hàng tháng là 5.700.000 đ đến 6.000.000 đồng*(có xác nhận của cơ quan chủ quản)* có chỗ ăn ở ổn định (có xác nhận của TDP và UBND phường nơi sở tại), hiện tại 02 con đang ở với chị H, được chị H chăm sóc nuôi dưỡng chu đáo 02 cháu phát triển bình thường.

Xét yêu cầu của anh N về việc giao con chung Hội đồng xét xử thấy: Qua

xác minh và có sự xác nhận của Trung đoàn 209 thì anh N hiện là Lái xe của Đại đội 25, Trung đoàn 209 thuộc đơn vị huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, thời gian làm việc 100% phải có mặt tại đơn vị, trực 24/24 giờ. Về chỗ ăn ở, trường học cho trẻ, đơn vị xác nhận không có chỗ ở, nhà trẻ, trường học cho trẻ nhỏ tại đơn vị, không có điều kiện để cho trẻ em ở tại đơn vị, đơn vị không có nhà công vụ để sinh hoạt. Về thu nhập cá nhân anh N đang hưởng lương hàng tháng là 7.645.000 đồng.

Anh N cung cấp sổ tạm trú của mẹ đẻ anh N là bà Nguyễn Thị M và Hợp đồng thuê nhà một năm của anh N với Trường Cao đẳng công nghiệp và Kinh tế. Theo anh N trình bày anh N thuê nhà và đón mẹ ra tạm trú để trực tiếp chăm nom con chung cho anh. Theo quy định tại điều 81,82,82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên khi cha mẹ ly hôn, thì vợ chồng có thể thỏa thuận giao con chung hoặc do tòa án quyết định. Như vậy khi vợ chồng ly hôn thì vợ chồng có thể thỏa thuận về việc giao con chung, việc giao con chỉ có thể giao cho bố hoặc mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nhưng phải đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung.

Xét về điều kiện thu nhập của đôi bên thì thấy : Chị H tuy thu nhập thấp hơn nhưng có đất, có nhà ổn định. Anh N thu nhập có phần cao hơn nhưng điều kiện không có đất và nhà ở ổn định, phải đi thuê nhà và chăm sóc mẹ, ngoài ra anh N còn các khoản nợ nần khác chưa thanh toán. Về điều kiện thời gian Anh N làm lái xe của đại đội, thuộc đơn vị sẵn sàng chiến đấu, phải có mặt 100% tại đơn vi, trực 24/24 nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị Hiện làm công ty may làm việc giờ hành chính, gần nhà sẽ có điều kiện chăm sóc con tốt hơn.

Từ những phân tích nêu trên thấy cần tiếp tục giao con chung như hiện tại để không ảnh hưởng đến tâm sinh lý và đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung và đúng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung Võ Quang Nhật, sinh ngày 17/9/2012 và Võ Quang Tiến, sinh ngày 20/3/2015 là phù hợp. Không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của anh N.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh N cho đến khi chị H có yêu cầu.

Anh N được quyền đi lại thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.4] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh N và chị H tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Võ Quang N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 53, 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình xin ly hôn giữa anh Võ Quang N với chị Trần Thị H.

2. *Về con chung*:

- Giao cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục 02 con chung Võ Quang Nh, sinh ngày 17/9/2012 và Võ Quang T, sinh ngày 20/3/2015.

Anh Võ Quang N được quyền đi lại thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Trần Thị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Võ Quang N cho đến khi chị H có yêu cầu.

4. *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về công nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. *Về án phí:* Anh Võ Quang N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai thu số 0010981 ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- VKSND cùng cấp ;
- Chi cục Thi hành án cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Bình